



## THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- Tổng thu NSNN thực hiện tháng 3/2016 ước đạt 70,4 nghìn tỷ đồng; lũy kế thu thực hiện quý I/2016 đạt 230,5 nghìn tỷ đồng, bằng 22,7% dự toán, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, thu nội địa thực hiện tháng 3 ước đạt 54,7 nghìn tỷ đồng; lũy kế thu quý I đạt 193,8 nghìn tỷ đồng, bằng 24,7% dự toán, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2015; Thu từ đầu thô thực hiện tháng 3 ước đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, lũy kế thu quý I ước đạt 8,9 nghìn tỷ đồng, bằng 16,4% dự toán, bằng 45,9% so với cùng kỳ năm 2015; Thu ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu thực hiện tháng 3 ước đạt 21 nghìn tỷ đồng, tăng 45,8% so với thực hiện tháng trước, lũy kế thu quý I đạt 54,6 nghìn tỷ đồng, bằng 20,2% dự toán, giảm 11,5% so với cùng kỳ năm 2015.

- Tổng chi NSNN thực hiện tháng 3/2016 ước đạt 92 nghìn tỷ đồng, lũy kế chi quý I ước đạt 277,59 nghìn tỷ đồng, bằng 21,8% dự toán, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, chi đầu tư phát triển thực hiện tháng 3 ước đạt 15,03 nghìn tỷ đồng, lũy kế thực hiện chi quý I đạt 46,67 nghìn tỷ đồng, bằng 18,3% dự toán, tăng 6,9% so cùng kỳ năm 2015; Chi trả nợ và viện trợ thực hiện tháng 3 ước đạt 10,3 nghìn tỷ đồng, lũy kế thực hiện chi quý I ước đạt 39,2 nghìn tỷ đồng, bằng 25,2% dự toán, tăng 5,3% so cùng kỳ năm 2015; Chi phát triển các sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính thực hiện tháng 3 ước đạt 66,7 nghìn tỷ đồng; lũy kế thực hiện chi quý I ước đạt 191,8 nghìn tỷ đồng, bằng 23,1% dự toán, tăng 5,1% so cùng kỳ năm 2015.

- Huy động vốn cho NSNN: Tính đến ngày 25/3/2016, đã thực hiện phát hành được gần 69 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ bù đắp bội chi NSNN và cho đầu tư phát triển, xấp xỉ 27% nhiệm vụ huy động vốn trong nước năm 2016, đảm bảo nguồn đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán.

*Nguồn: Bộ Tài chính*

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

### THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

**BẢNG 1: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI HSX THÁNG 3/2016**

	Tuần từ 1/3 – 4/3	Tuần từ 7/3 – 11/3	Tuần từ 14/3 – 18/3	Tuần từ 21/3 – 25/3	Ngày 28/3 – 31/3
<b>VN-Index (điểm)</b>	561,56 - 573,65	576,2 - 577,26	577,98 - 575,82	572,27 - 572,08	575,72 - 561,22
<b>KLGD (cổ phiếu)</b>	561.272.229	726.076.721	880.333.017	764.835.409	600.939.927
<b>GTGD (tỷ VND)</b>	8.757,65	12.114,22	16.647,96	11.971,06	9.747,95

*Nguồn: HSX*

**BẢNG 2: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI HNX THÁNG 3/2016**

	Tuần từ 1/3 – 4/3	Tuần từ 7/3 – 11/3	Tuần từ 14/3 – 18/3	Tuần từ 21/3 – 25/3	Ngày 28/3 – 31/3
<b>HNX-Index (điểm)</b>	78,96 - 79,65	79,73 - 80,06	80,00 - 80,59	80,3 - 79,73	80,43 - 79,05
<b>KLGD (cổ phiếu)</b>	201.114.638	210.282.746	296.195.694	295.053.158	213.347.627
<b>GTGD (tỷ VND)</b>	2.165,75	2.250,52	3.067,54	2.916,19	2.367,01

*Nguồn: HNX*

**BẢNG 3: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI UPCOM THÁNG 3/2016**

	Tuần từ 1/3 – 4/3	Tuần từ 7/3 – 11/3	Tuần từ 14/3 – 18/3	Tuần từ 21/3 – 25/3	Ngày 28/3 – 31/3
<b>UPCoM-Index (điểm)</b>	49,05 - 49,59	49,32 - 51,26	52,17 - 52,49	52,97 - 59,73	61,33 - 61,39
<b>KLGD (cổ phiếu)</b>	40.426.388	29.998.782	54.725.503	118.101.625	70.827.687
<b>GTGD (tỷ VND)</b>	518,2	720,75	848,67	2.075,37	895,5

*Nguồn: HNX*



Tính đến hết ngày 31/3/2016, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã có sự điều chỉnh mạnh trên thị trường. Áp lực điều chỉnh đã tăng mạnh khiến 2 chỉ số cơ bản trên thị trường chìm trong sắc đỏ, chỉ số VN-Index rơi xuống mức thấp nhất trong 1 tháng qua.

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

BẢNG 4: TTCK THẾ GIỚI THÁNG 3/2016

Thị trường	Chỉ số	Ngày 1/3/2016 (điểm)	Ngày 31/3/2016 (điểm)	Tăng/Giảm (%)
Mỹ	Dow Jones	16.865,08	17.685,09	+4,86
	S&P 500	1.978,35	2.059,74	+4,11
	Nasdaq	4.689,60	4.869,85	+3,84
Anh	FTSE 100	6.152,90	6.174,90	+0,36
Pháp	CAC 40	4.406,84	4.385,06	-0,49
Đức	DAX	9.717,16	9.965,51	+2,56
Nhật Bản	Nikkei 225	16.085,51	16.758,67	+4,18
Hồng Kông	Hang Seng	2.733,17	3.003,92	+9,91
Trung Quốc	Shanghai Composite	19.407,46	20.776,70	+7,06
Đài Loan	Taiwan Weighted	1.947,42	1.995,85	+2,49
Hàn Quốc	Kospi Composite	8.485,69	8.744,83	+3,05
Singapore	Straits Times	2.682,39	2.840,90	+5,91

Nguồn: Bloomberg

TTCK thế giới diễn biến khá tích cực trong tháng 3/2016. Tại TTCK châu Âu, các chỉ số diễn biến trái chiều: Chỉ số FTSE 100 của Anh và DAX của Đức tăng lần lượt là + 0,36 % và + 2,56 %, trong khi đó chỉ số CAC 40 của Pháp lại giảm -0,49 %. Tại TTCK châu Á, các chỉ số (Nikkei 225, HangSeng, Kospi Composite...) đều tăng điểm; đáng chú ý chỉ số Shanghai Composite của Trung Quốc tăng mạnh nhất (+ 9,91%).

## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

THÁNG 03/2016

HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

Kỳ hạn trái phiếu	Số phiên đấu thầu	Giá trị gọi thầu	Giá trị đăng ký	Giá trị trúng thầu	Vùng lãi suất đặt thầu (%/năm)	Vùng lãi suất trúng thầu (%/năm)
3 Năm	3	7.200.000.000.000	14.388.000.000.000	6.102.000.000.000	5,45-7,00	5,53-5,55
5 Năm	5	31.500.000.000.000	57.640.000.000.000	21.510.000.000.000	6,10-7,20	6,30-6,38
10 Năm	2	2.000.000.000.000	3.197.000.000.000	1.700.000.000.000	6,90-7,80	6,93-6,95
15 Năm	2	3.300.000.000.000	6.305.410.000.000	3.300.000.000.000	7,59-8,50	7,65-7,65
20 Năm	2	3.000.000.000.000	285.480.000.000	284.480.000.000	7,75-8,80	7,75-7,75
30 Năm	1	1.500.000.000.000	2.581.030.000.000	1.401.030.000.000	8,00-8,80	8,00-8,00
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>48.500.000.000.000</b>	<b>84.396.920.000.000</b>	<b>34.297.510.000.000</b>		

Nguồn: HNX

GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP				
STT	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch	Vùng lợi suất
1	1 tháng	3.000.000	324.144.500.000	4,8943 - YTM - 5,5196
2	2 tháng	1.000.000	112.483.000.000	4,6023 - YTM - 4,7004
3	9 tháng	4.550.000	477.290.900.000	4,6493 - YTM - 4,8994
4	12 tháng	78.011.000	8.316.935.532.000	4,6995 - YTM - 5,5501
5	2 năm	25.564.774	2.791.591.624.088	4,9997 - YTM - 5,3999
6	3 năm	267.770.000	27.772.724.880.000	3,3583 - YTM - 8,1039
7	3 - 5 năm	78.022.962	8.163.236.966.272	5,2400 - YTM - 8,6440
8	5 năm	198.200.000	20.183.262.440.000	6,0589 - YTM - 7,5552
9	7 năm	4.130.000	494.105.580.000	7,3013 - YTM - 7,7251
10	7 - 10 năm	6.840.000	758.883.095.000	6,8701 - YTM - 8,1898
11	10 năm	14.500.000	1.441.853.500.000	6,8000 - YTM - 7,3000
12	10 - 15 năm	10.740.000	1.099.735.470.000	7,6000 - YTM - 8,0156
13	15 năm	21.100.000	2.185.263.610.000	7,6500 - YTM - 7,9052
	<b>Tổng</b>	<b>713.428.736</b>	<b>74.121.511.097.360</b>	

Nguồn: HNX

\*YTM: Lãi suất đáo hạn

## THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

LÃI SUẤT BÌNH QUÂN LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 3/2016 (% NĂM)					
Thời hạn	Tuần từ 01-04/3	Tuần từ 07-11/3	Tuần từ 14-18/3	Tuần từ 21-25/3	Tuần từ 28-31/3
Qua đêm	2,40 – 4,06	4,61 – 4,19	4,23 – 3,69	3,63 – 2,88	2,86 – 3,70
1 tuần	2,85 – 3,98	4,66 – 4,27	4,41 – 3,84	3,83 – 3,16	3,28 – 3,99
2 tuần	2,70 – 4,26	4,70 – 4,53	4,42 – 3,43	4,18 – 3,70	4,52 – 4,26
1 tháng	4,18 – 4,42	4,56 – 4,72	4,80 – 4,58	4,76 – 4,39	4,37 – 4,62
3 tháng	4,66 – 4,68	4,87 – 4,89	4,85 – 4,89	4,82 – 4,79	4,45 – 4,96
6 tháng	4,80 – 5,24	5,55 – 4,84	5,39	4,95 – 5,34	6,25 – 5,59
9 tháng	-	-	-	-	-
<b>Doanh số giao dịch (tỷ VND)</b>	<b>88.918</b>	<b>111.853</b>	<b>110.132</b>	<b>142.840</b>	<b>111.751</b>

Nguồn: NHNN

Trong tháng 3/2016, tỷ giá VND/USD diễn biến với biên độ giao động nhẹ, giảm trong nửa đầu tháng, sau đó tăng nhẹ giai đoạn cuối tháng. Tính đến cuối tháng 3, chỉ số giá USD giảm 0,38% so với tháng trước, giảm 0,84% so với tháng 12/2015; tăng 4,26% so với cùng kỳ năm 2015.

DIỄN BIẾN THAY ĐỔI TỶ GIÁ VND/USD THÁNG 3/2016					
	Tuần từ 1/3 – 4/3	Tuần từ 7/3 – 11/3	Tuần từ 14/3 – 18/3	Tuần từ 21/3 – 25/3	Ngày 28/3 – 31/3
<b>Giá mua vào</b>	22.265 – 22.225	22.255 – 22.255	22.260 – 22.255	22.260 – 22.260	22.280 – 22.255
<b>Giá bán ra</b>	22.335 – 22.325	22.325 – 22.325	22.330 – 22.325	22.330 – 22.330	22.340 – 22.325

Nguồn: Vietcombank.com



Chỉ số USD - Index trong tháng 3/2016 diễn biến với xu hướng chính là giảm, đặc biệt giảm mạnh giai đoạn giữa tháng. Chỉ số đạt mức cao nhất tại 98,34 (ngày 01/3) và thấp nhất tại 94,78 (ngày 17/3). Trong tháng 3/2016, đồng EUR tăng 3,37% so với đồng USD. Diễn biến cặp tỷ giá EUR/USD: 1 EUR đổi được 1,0889 USD (ngày 1/3), 1 EUR/1,0989 USD (ngày 10/3), 1 EUR/1,1318 USD (ngày 18/3), 1 EUR/1,1335 USD (ngày 31/3).

CHỈ SỐ USD THÁNG 3/2016					
	Tuần từ 1/3 – 4/3	Tuần từ 7/3 – 11/3	Tuần từ 14/3 – 18/3	Tuần từ 21/3 – 25/3	Ngày 28/3 – 31/3
USD - index (điểm)	98,34 – 97,22	97,1 – 96,2	96,57 – 95,09	95,4 – 96,27	95,9 – 95,0

Nguồn: www.marketwatch.com

## THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA – DỊCH VỤ

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 03 VÀ QUÝ I/2016			
	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Xuất siêu
Tháng 03/2016	14,20 tỷ USD	14,10 tỷ USD	
Tăng/giảm so với tháng trước	+ 40,6%	37%	
Quý I/2016	37,9 tỷ USD	37,1 tỷ USD	776 triệu USD
Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2015	+ 4,1%	- 4,8%	

Nguồn: Tổng cục Thống kê

### DIỄN BIẾN GIÁ CẢ MỘT SỐ HÀNG CHỦ YẾU THÁNG 3/2016 NHƯ SAU:

#### 1. Lúa gạo

- Tại miền Bắc: Giá thóc, gạo tẻ thường tháng 3/2016 ổn định so với tháng 02/2016. Giá thóc tẻ thường dao động phổ biến ở mức 6.000 - 7.000 đồng/kg, giá một số loại thóc chất lượng cao hơn phổ biến ở mức 8.000 - 8.500 đồng/kg; giá gạo tẻ thường dao động phổ biến ở mức 8.000 - 13.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam: Giá lúa khô tại kho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long loại thường dao động từ 5.350 - 5.900 đồng/kg, tăng khoảng 300 - 650 đồng/kg. Giá gạo thành phẩm xuất khẩu loại 5% tấm dao động từ 7.600 - 8.200 đồng/kg, tăng khoảng 400 - 700 đồng/kg và gạo 25% tấm khoảng 6.900 - 7.500 đồng/kg, tăng khoảng 300 - 400 đồng/kg.

#### 2. Thực phẩm tươi sống

- Tại miền Bắc: Tháng 03/2016, thịt lợn hơi giá phổ biến khoảng 46.000 – 50.000 đồng/kg; tăng 1.000 – 3.000 đồng/kg; thịt lợn mỡ sấn giá phổ biến khoảng 85.000 – 95.000 đồng/kg; thịt bò thăn giá phổ biến khoảng 260.000 – 275.000 đồng/kg; thịt

gà ta và gà công nghiệp làm sẵn có kiểm dịch giá phổ biến khoảng 120.000 – 130.000 đồng/kg, tăng từ 10.000- 15.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam: Giá thịt lợn hơi tháng 03/2016 phổ biến khoảng 42.000 – 48.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg; thịt mỡ sấn giá phổ biến khoảng 80.000 – 85.000 đồng/kg; thịt bò thăn giá ổn định dao động phổ biến khoảng 260.000 – 275.000 đồng/kg; thịt gà công nghiệp làm sẵn ở mức 50.000 - 60.000 đồng/kg, giảm 5.000 đồng/kg.

#### 3. Giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi

Trong tháng 3, giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi ổn định so với tháng 2/2016. Tính đến 29/3/2016, đã có 831 mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi được công bố giá tối đa, giá đăng ký, giá kê khai trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Sở Tài chính các địa phương.

#### 4. Phân bón Urê

Trong tháng 3/2016, giá phân bón urê tiếp tục giảm nhẹ ở miền Nam và ổn định tại miền Bắc. Cụ thể, tại miền Bắc, mức giá phổ biến khoảng 7.500 - 7.800



đồng/kg; tại miền Nam, mức giá phổ biến khoảng 7.500 - 7.700 đồng/kg, giảm 300 - 600 đồng/kg.

**5. Thức ăn chăn nuôi**

Trong tháng 3/2016, giá bán hầu hết các mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đều giảm nhẹ từ 1,1 - 7% (khô đậu tương, sắn lát, methionine) so với tháng trước, riêng giá ngô và lysine tăng nhẹ (2-3%). Do vậy, giá thức ăn chăn nuôi hỗn hợp giảm 1,2 - 1,7%, hiện giá thức ăn hỗn hợp cho gà thịt ở mức 9.200 đồng/kg, giá thức ăn hỗn hợp lợn thịt ở mức 8.000 đồng/kg.

**6. Nguyên vật liệu xây dựng**

- Giá bán lẻ xi măng trong tháng 03/2016 trên thị trường vẫn giữ ổn định so với tháng 02/2016. Giá bán tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung phổ biến từ

1.050.000 - 1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến từ 1.460.000 - 1.850.000 đồng/tấn.

- Giá bán lẻ thép xây dựng trên thị trường tháng 03/2016 tăng từ 500 - 1.200 đồng/kg so với tháng 2/2016. Cụ thể, tại một số tỉnh miền Bắc và miền Trung dao động phổ biến ở mức 12.600 - 15.050 đồng/kg; tại các tỉnh miền Nam dao động phổ biến ở mức 12.700 - 15.150 đồng/kg.

**7. Khí hóa lỏng - LPG**

Giá bán lẻ khí hóa lỏng - LPG trong tháng 03/2016 tại TP. Hồ Chí Minh (giá bán lẻ đến người tiêu dùng): 259.000 đồng/bình 12kg; tại Hà Nội (giá bán lẻ đến tay người tiêu dùng) dao động từ khoảng 248.000 - 280.000 đồng/bình 12 kg, tùy từng doanh nghiệp.

# THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU

Căn cứ biến động giá xăng dầu thế giới, trong tháng 03/2016, giá xăng, dầu trong nước được điều chỉnh 2 lần, cụ thể:

- Ngày 04/03/2016, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Công thương có Công văn số 1851/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu, theo đó, xăng khoáng được bù đắp từ Quỹ bình ổn giá xăng dầu 370 đồng/lít, xăng E5 sử dụng quỹ 363 đồng/lít, dầu diesel dùng quỹ ở mức 983 đồng/lít, dầu hỏa 995 đồng/lít và dầu madut được sử dụng quỹ 69 đồng/lít. Giá xăng RON 92 được bán ra thị trường là 13.750 đồng/lít; xăng RON 95 giữ giá bán lẻ là 14.450 đồng/lít; xăng E5 có giá 13.320 đồng/lít; dầu hỏa có giá 8.900 đồng/lít; dầu diesel 9.580 đồng/lít.

- Ngày 21/03/2016, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Công thương có Công văn số 2427/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu, theo đó, giá bán xăng RON 92 tăng 670 đồng/lít, lên 14.420 đồng/lít; dầu DO tăng 290 đồng, lên 9870 đồng/lít. Dầu hỏa dùng quỹ 909 đồng/lít, không tăng giá; xăng E5 tăng 570 đồng, lên 13.890 đồng/lít.

Trong quý I/2016, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Công Thương ban hành 06 văn bản điều hành giá xăng dầu, số lần tăng giảm của các mặt hàng cụ thể như sau:

CÁC MẶT HÀNG	TĂNG GIÁ	GIẢM GIÁ	GIỮ ỔN ĐỊNH GIÁ	TỔNG SỐ VĂN BẢN ĐIỀU HÀNH
Xăng khoáng	1	4	1	06
Dầu diesel	1	3	2	06
Dầu hỏa	0	3	3	06
Dầu madut	1	4	1	06

*Nguồn: Cục Quản lý Giá (Bộ Tài chính)*

**THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU THẾ GIỚI (THÁNG 03/2016)**

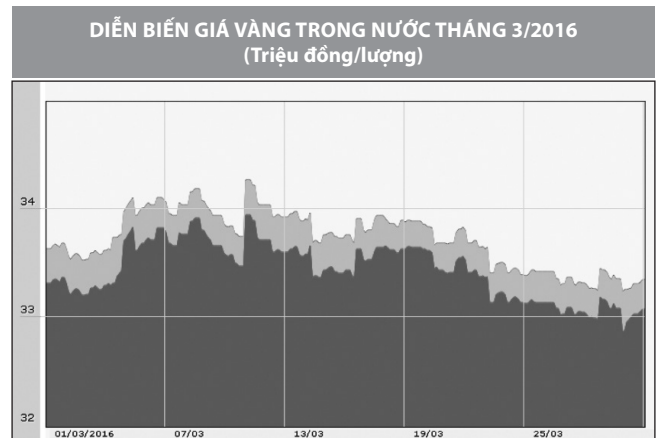
	1/3	8/3	17/3	29/3
Giá dầu thô ngọt, nhẹ New York (USD/thùng)	35,97	37,90	38,46	39,39
Giá dầu sưởi (USD/gallon)	1,07	1,22	1,23	1,18
Giá xăng (USD/gallon)	1,04	1,39	1,41	1,46
Giá khí tự nhiên (USD/triệu BTU)	1,71	1,69	1,86	1,84

*Nguồn: TCTC tổng hợp*

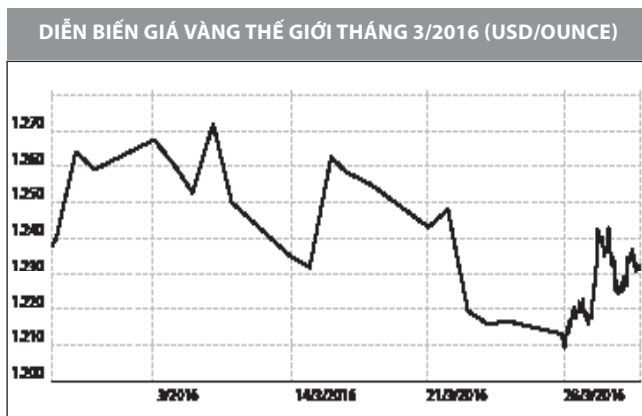


# THỊ TRƯỜNG VÀNG

C chịu ảnh hưởng lớn từ diễn biến giá vàng thế giới, tháng 3, giá vàng trong nước có xu hướng tăng vào giữa tháng và giảm giá vào cuối tháng. Cụ thể, giá vàng SJC dao động 33,96 – 34,26 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) ngày 11/03 và 32,88 – 33,25 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) ngày 31/03. Tính đến cuối tháng 3/2016, chỉ số giá vàng tăng 4,87% so với tháng trước; tăng 7,79% so với tháng 12/2015; tăng 0,83% so với cùng kỳ năm trước. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới tại thời điểm cuối tháng 3 khoảng 200 nghìn đồng/lượng.



Nguồn: sjc.com.vn



Nguồn: kitco.com

T thị trường vàng thế giới trong tháng 3/2016 diễn biến với xu hướng giảm mạnh, biên độ giao động lớn. Trong tháng, giá vàng (giao ngay tại thị trường New York) lên cao nhất tại mức 1.272,1 USD/ounce (ngày 10/3) và thấp nhất là 1.210 USD/ounce (ngày 27/3). Tính chung cả tháng, giá vàng thế giới đã giảm 0,04%.

## THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM (VỐN ĐĂNG KÝ TÍNH ĐẾN NGÀY 20/3/2016)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý I/2015	Quý I/2016	So cùng kỳ
1	Vốn thực hiện	triệu USD	3.050	3.500	114,8%
2	Vốn đăng ký	triệu USD	1.837,82	4.026,32	219,1%
2.1.	Đăng ký cấp mới	triệu USD	1.216,70	2.740,45	225,2%
2.2.	Đăng ký tăng thêm	triệu USD	621,12	1.285,88	207,0%
3	Số dự án				
3.1.	Cấp mới	dự án	267	473	177,2%
3.2.	Tăng vốn	lượt dự án	102	203	199,0%
4	Xuất khẩu				
4.1.	Xuất khẩu (kể cả dầu thô)	triệu USD	25.568	27.043	105,8%
4.2.	Xuất khẩu (không kể dầu thô)	triệu USD	24.625	26.597	108,0%
5	Nhập khẩu	triệu USD	23.552	22.218	94,3%

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch & Đầu tư)